TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh** phúc

Bản án số:17/2020/DS-ST
Ngày: 30 - 9 – 2020

V/v Tuyên bố hợp đồng vô hiệu và hậu quả của hợp đồng vô hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Chiều

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọt – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng: Bà Trần Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 18/02/2020 về việc Tuyên bố hợp đồng vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXX-ST ngày 28/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 45b/2020/QĐST-DS ngày 10/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Đình A, sinh năm 1968; trú tại: Đội 2, xã ĐN, huyện ĐS, tỉnh TH; có mặt.

- Bị đơn: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1978; trú tại: Số 07, ngõ Gạc, thôn ĐK, xã Đp, huyện ĐP, Thành phố HN; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1973 (vợ ông A); trú tại: Đội 2, xã ĐN, huyện ĐS, tỉnh TH; có mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân Thủy, sinh năm 1978 (chồng bà V); trú tại: Số 07, ngõ Gạc, thôn ĐK, xã Đp, huyện ĐP, Thành phố HN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2019 và các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Lê Đình A trình bày:

Do có nhu cầu đi lao động tại Hàn Quốc nên ông có nhờ cháu tên Lê Thị Thảo cùng quê Thanh Hóa giới thiệu cho ông gặp anh Phương (anh Phương họ tên đầy đủ và địa chỉ ở đâu không biết) và anh Phương có giới thiệu cho anh biết đến bà Đinh Thị V. Ông đã bàn bạc với bà V và bà V hứa sẽ làm thủ tục cho ông đi nước Hàn Quốc với chi phí là 300.000.000 đồng. Do tin lời bà V nên ông đã ba lần chuyển tiền cho bà V. Lần 1 là ngày 20/5/2018 ông chuyển 1.500 USD và 34.000.000 đồng theo hợp đồng giao dịch của ngày 20/5/2018; lần 2 ngày 18/6/2018 ông chuyển cho bà V số tiền là 100.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền của ngày 18/6/2018; lần ba ngày 26/6/2018 ông chuyển số tiền là 5.730 USD. Tổng số tiền đã chuyển là 13.000 USD và hai bên thống nhất tự quy đổi tương đương với số tiền 300.000.000 Việt Nam đồng và được ông và bà V chốt lại toàn bộ các lần giao tiền theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2018 là ông A đã bàn giao đủ và bà V đã nhận đủ số tiền 13.000 USD (bút lục số 01, 02, 03).

Tuy nhiên, bà V không thực hiện nội dung cam kết theo hợp đồng thỏa thuận là đưa ông đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Ông đã không đi xuất khẩu lao động được và bà V cũng không trả lại tiền cho ông. Theo Giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2018 là biên bản được chốt lại cuối cùng tổng số tiền ông đã đưa cho bà V và thỏa thuận trong vòng 01 tháng ông không xuất khẩu lao động được thì bà V phải trả lãi suất cho số tiền ông đã đưa cho bà V theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận và chịu trách nhiệm mọi chi phí. Do đó ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng hủy hợp đồng giao dịch giữa ông và bà V do bà V do không thực hiện được đúng cam kết như hợp đồng hai bên thỏa thuận và giao dịch giữa hai bên vi phạm điều cấm của pháp luật. Buộc bà V phải trả cho ông số tiền là 300.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 26/6/2018 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H trình bày bà với ông Nguyễn Đình A là vợ chồng, bà có cùng với ông A dồn tiền để ông A đưa tiền cho bà V. Bà V có ký hợp đồng dịch vụ đưa ông A đi nước Hàn Quốc với tổng số tiền chi phí là 300.000.000 đồng. Nay bà V không thực hiện được hợp đồng mà hai bên thỏa thuận. Do đó bà đề nghị Tòa án huyện Đan Phượng tuyên hủy hợp đồng giao dịch giữa ông A và bà V và giải quyết buộc chị V phải trả cho ông bà số tiền là 300.000.000 đồng và lãi suất của số tiền theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày 26/6/2018.

Bị đơn là bà Đinh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân Thủy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng hết thời hạn thông báo bà V và ông Thủy không có ý kiến gì, không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu gì liên quan đến vụ việc. Tóa án cũng đã thực hiện việc thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho bà V và ông Thủy nhưng đều không đến Tòa án để làm việc. Do đó 20/5/2020 Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Đan Phượng (nơi bà V, ông Thủy thuê nhà sinh sống) thì được chủ nhà cho biết bà V và ông Thủy thuê nhà, nhưng khoảng một

tháng nay đi đâu không biết và cũng không khai báo gì với Công an xã; ngày 23/5/2020 Tòa án tiếp tục xác minh tại xã Hạ Mỗ (nơi bà V, ông Thủy đăng ký HKTT) thì được Công an xã Hạ Mỗ xác nhận bà V, ông Thủy không có mặt tại địa phương, không khai báo việc tạm vắng.

Do thấy có dấu hiệu hình sự nên ngày 16/6/2020 Tòa án có Công ăn số 127/CV-TA gửi Cơ quan CSĐT Công an huyện Đan Phượng xem trách nhiệm hình sự đối với Đinh Thị V. Đến ngày 27/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng có Công văn số 162, trả lời không khởi tố vụ án hình sự. Ngày 28/8/2020 Tòa án ra quyết định thu thập tài liệu chứng cứ; tài liệu thu thập được là các biên bản lấy lời khai của bà V tại cơ quan điều tra và bản tự khai của bà V đều thừa nhận có việc giao dịch như ông A trình bày. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Lê Đình A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Tuyên bố hủy hợp đồng vô hiệu và buộc bà V phải trả cho cho ông số tiền là 300.000.000 đồng trong đó có hai đợt tiền giao dịch bằng USD là một lần là 1.500 USD và một lần 5730 USD và rút yêu cầu về việc buộc bà Đinh Thị V phải trả số tiền lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước đối với số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày 26/6/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm và rút yêu cầu về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng giao dịch vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử sơ thẩm, về việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án chấp hành đúng trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 131, 132 Bộ luật dân sự 2015, Điều 27 Nghị quyết 326 của Quốc hội về lệ phí, án phí:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A đề nghị tuyên bố hợp đồng giao dịch giữa ông A và bà Đinh Thị V ký ngày 20/5/2018 là vô hiệu. Buộc bà Đinh Thị V phải trả cho ông Lê Đình A và bà Lê Thị H số tiền là 300.000.000 đồng. Hậu quả của Hợp đồng giao dịch Tòa án đã giải thích nhưng ông A không yêu cầu nên không phải xem xét.

- Về án phí: bà Đinh Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông Lê Đình A có đơn khởi kiện yêu cầu tuyên hủy hợp đồng giao dịch vô hiệu và buộc bà Đinh Thị V phải số tiền 300.000.000 đồng đối với bị đơn là bà Đinh Thị V có nơi đăng ký tạm trú tại số 07, ngõ Gạc, thôn ĐK, xã Đp, huyện ĐP, Thành phố HN

và có hộ khẩu thường trú tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội thuộc trường hợp được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng bà Đinh Thị V và ông Nguyễn Xuân Thủy không đến Tòa án làm việc. Do đó Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch giữa ông Lê Đình A và bà Đinh Thị V được xác lập vào ngày 20/5/2018. Đến ngày 19/12/2019 ông Lê Đình A có đơn khởi kiện. Căn cứ vào Điều 132, Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông Lê Đình A khởi kiện bà Đinh Thị V vẫn trong thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo nội dung khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án có căn cứ xác định: Ngày 20/5/2018 ông Lê Đình A và bà Đinh Thị V có ký kết hợp đồng giao dịch để làm thủ tục xuất cảnh, cấp Visa sang Hàn Quốc hợp lệ, đi du lịch trong vòng 03 tháng (thực tế là giấy viết tay, nội dung sơ sài thể hiện việc thu tiền giữa các cá nhân với nhau). Theo đó chị Đinh Thị V nhận làm thủ tục cho anh Lê Đình A xuất cảnh sang Hàn Quốc theo diện du lịch trong thời hạn 03 tháng chi phí hết 300 triệu đồng. Chị V đã nhận tiền của ông Lê Đình A vào các ngày 20/5/2018 là 1.500 USD và 34.000.000 đồng; ngày 18/6/2018 nhận số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 26/6/2018 nhận số tiền là 5730 USD tổng số tiền là 13.000 USD. Cùng ngày 26/6/2020 hai bên đã thống nhất, lập biên bản chốt tổng số tiền đã giao nhận quy đổi ra thành 300.000.000 (ba trăm triệu) Việt nam đồng và thống nhất nếu ông A không xuất cảnh được thì bà V còn phải trả tiền lãi theo quy định. Sau khi nhận tiền của anh A, chị V đã nhờ một số người làm hồ sơ cho anh A nhập cảnh vào Hàn Quốc 02 lần nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án án đã tiến hành triệp tập bà V nhưng bà V không lên do đó Tòa án đã tiến hành ra Quyết định số 01/QĐ-CCTLCC ngày 28/8/2020 để thu thập lời khai của bà Đinh Thị V tại Công an huyện Đan Phượng; kết quả xác minh thể hiện về việc bà Đinh Thị V có nhận tổng số tiền là 300.000.000 đồng trong đó có các lần giao tiền là: Lần 1 ngày 20/5/2018 bà có nhận số tiền 1.500 USD và 34.000.000 đồng của ông A theo hợp đồng giao dịch ngày 20/5/2018; lần 2 ngày 18/6/2018 bà V có nhận số tiền là 100.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền ngày 18/6/2018; lần ba ngày 26/6/2018 bà V có nhận số tiền là 5.730 USD. Tổng số tiền đã chuyển là 13.000 USD và hai bên thống nhất quy đổi tương đương với 300.000.000 đồng theo giấy biên nhận tiền ngày 26/6/2018 của ông Lê Đình A để làm thủ tục cấp VISA cho ông A đi Hàn Quốc.

Tại Bản tự khai ngày 20/5/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 20/5/2019 của Công an huyện Đan Phương bà V có khai: Ngày 20/5/2018 bà có quen với ông Lê Đình A qua một

người tên Phương làm việc tại Hàn Quốc, để làm thủ tục cho ông A sang Hàn Quốc và có nhận tiền 03 lần, tương đương với 300.000.000 đồng tiền Việt Nam. Sau đó bà V có chuyển số tiền nhận được người quen làm ở công ty du dịch làm thủ tục VISA cho ông A và không đưa được ông A sang Hàn Quốc theo đúng thỏa thuận với ông A nên ông A đã từ chối không đi nữa và đòi lại số tiền đã đưa. Bà V nhiều lần liên lạc với ông A để trả lại cho ông A nhưng ông A yêu cầu bà phải trả đủ số tiền 300.000.000 đồng nhưng bà V không có đủ nên đã cố gắng trả hàng tháng từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng cho ông A nếu ông A đồng ý. Bà V đã sử dụng 120.000.000 đồng vào việc cá nhân. Ngoài ra tại Công an huyện Đan Phượng bà V không khai thêm gì.

Như vậy, xác định ông Lê Đình A và bà Đinh Thị V có ký kết hợp đồng giao dịch để làm thủ tục xuất cảnh, cấp VISA sang Hàn Quốc là có thực và có nhận tổng số tiền đã được hai bên thống nhất quy đổi tương đương là 300.000.000 đồng; cụ thể: Ngày 20/5/2018 là 1.500 USD và 34.000.000 đồng, ngày 18/6/2018 là 100.000.000 đồng, ngày 26/6/2018 là 5.730 USD.

Xét tính pháp lý của hợp đồng giao dịch giữa ông Lê Đình A và bà Đinh Thị V nhận thấy nội dung thể hiện việc thanh toán bằng tiền USD, không phải tiền Việt Nam đồng nên căn cứ khoản 13 Điều 1 Pháp lệnh Ngoại hối 2013, Điều 3 Thông tư 32/2013/TT - NHNN thì nội dung hợp đồng trên không đúng quy định. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 117 BLDS hợp đồng trên vô hiệu.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A đề nghị tuyên bố hợp đồng vô hiệu và buộc bà Đinh Thị V phải trả số tiền là 300.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật, các bên trong hợp đồng vô hiệu phải khôi phục lại tình trạng ban đầu và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A đề nghị tuyên bố hợp đồng giao dịch giữa ông Lê Đình A và bà Đinh Thị V ký ngày 20/5/2018 là vô hiệu và buộc bà V phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền quy đổi ra tiền Việt theo hai bên thống nhất là 300.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[5]. Xét yêu cầu của ông Lê Đình A về việc buộc bà Đinh Thị V phải trả số tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày 26/6/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa Tòa án ông A đã rút yêu cầu nên không cần phải xem xét. Tòa án cũng giải thích về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nhưng ông A cũng không yêu cầu nên Tòa án không phải xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A được chấp nhận nên không phải chị án phí dân sự sơ thẩm, bà Đinh Thị V phải chị án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 184, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 119, 117, 131, 132 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Ngoại hối 2013; Thông tư 32/2013/TT - NHNN ngày 26/12/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình A đề nghị tuyên bố hợp đồng giao dịch giữa ông A và bà Đinh Thị V ký ngày 20/5/2018 là vô hiệu.

- Buộc bà Đinh Thị V phải trả cho ông Lê Đình A số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng.

- Không phải xem xét về yêu cầu của ông Lê Đình A về việc bà Đinh Thị V phải trả lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng và giải quyết hậu quả của hợp đồng giao dịch vô hiệu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc bà Đinh Thị V phải chịu án phí dân sự là 300.000 đồng án phí dân sự. Hoàn trả lại ông Lê Đình A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014342 ngày 18/02/202 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP Hà Nội.
- VKSNDTP huyện Đan Phượng;
- Các đương sự
-Chi cục THADS huyện Đan Phượng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hoan

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**